

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 31/03/2025 | 36,200 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 36.1% | 17.2% | 50.2% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2024 | |
| ROE | 9.6% |
| | +/- YoY ▲ 0.4% |

| | |
|-----------------|--|
| Q1/25 | |
| DT thuần | 25.7 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 10.0 ▼ 27.9% |
| | YoY ▲ 3.70 ▲ 16.9% |

| | |
|-----------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| DT thuần | 144 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 3.00 ▲ 2.5% |

| | |
|---------------|--|
| Q1/25 | |
| LN gộp | 7.97 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▲ 0.17 ▲ 2.1% |
| | YoY ▲ 1.00 ▲ 14.3% |

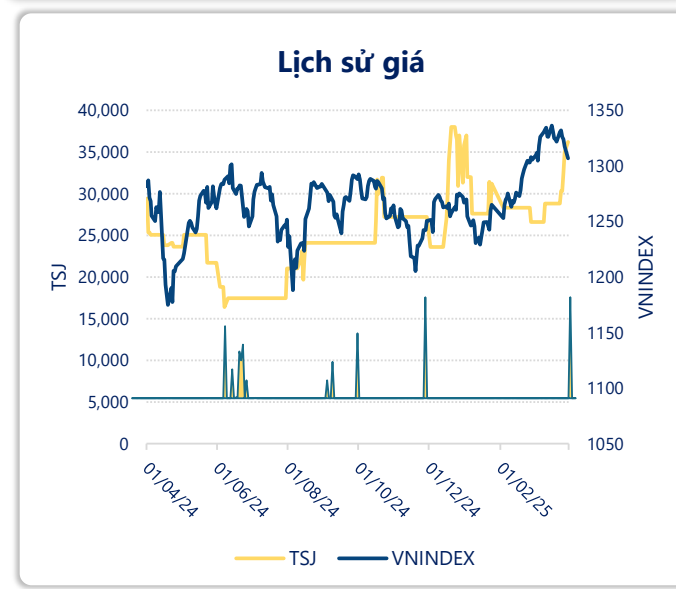
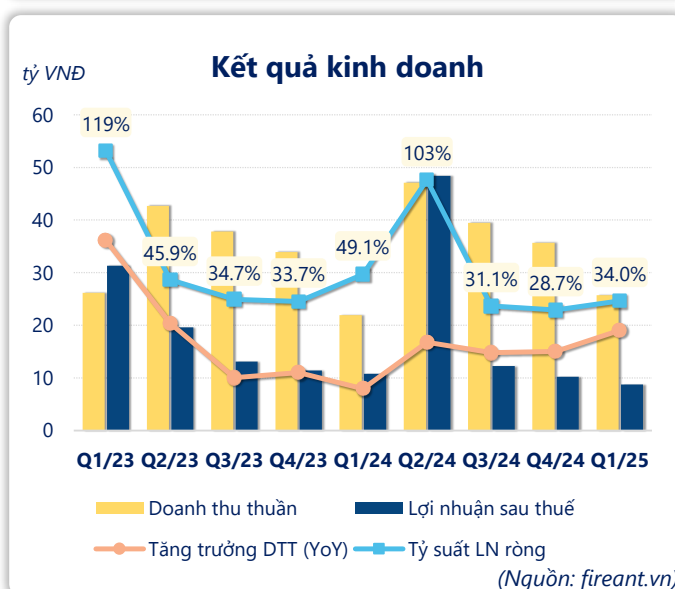
| | |
|---------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| LN gộp | 31.9 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 3.40 ▼ 9.6% |

| | |
|-----------------|--|
| Q1/25 | |
| LN thuần | 10.8 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 1.30 ▼ 10.8% |
| | YoY ▼ 2.20 ▼ 16.9% |

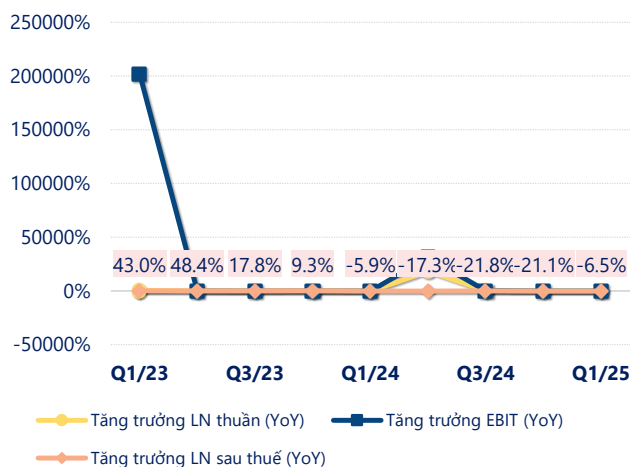
| | |
|-----------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| LN thuần | 90.2 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 4.60 ▲ 5.4% |

| | |
|--------------------|--|
| Q1/25 | |
| LN sau thuế | 8.75 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 1.45 ▼ 14.2% |
| | YoY ▼ 2.05 ▼ 19.0% |

| | |
|--------------------|---------------------------------------|
| 2024 | |
| LN sau thuế | 81.7 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 6.30 ▲ 8.3% |

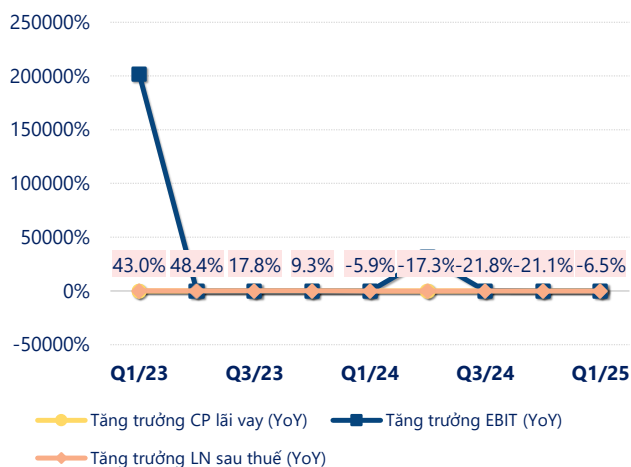


Tăng trưởng lợi nhuận



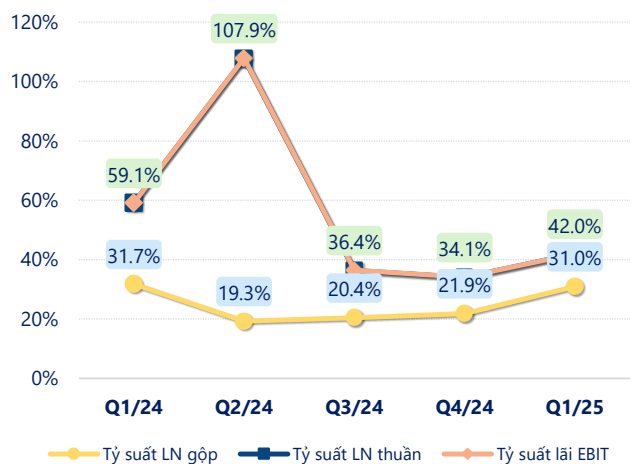
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



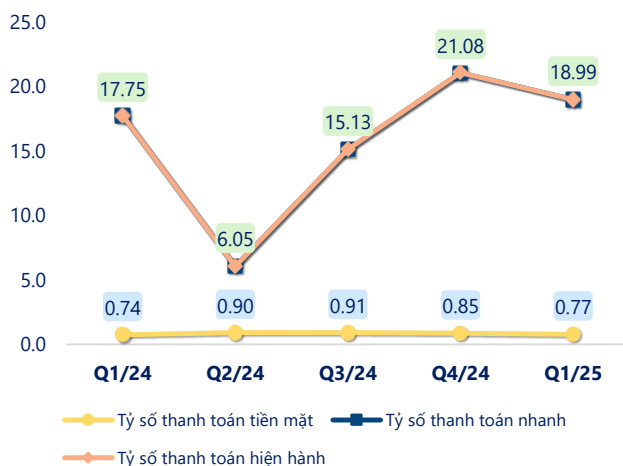
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



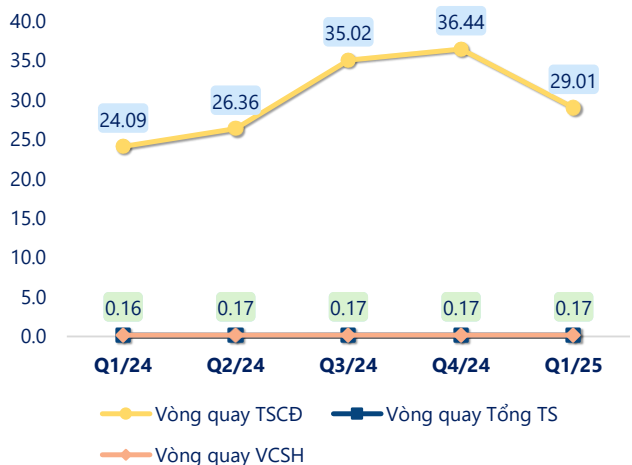
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



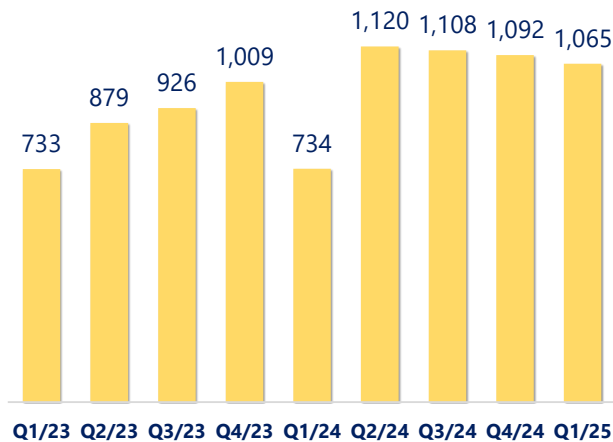
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/25 | Q1/24 | Thay đổi YoY | 2024 | 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 25.7 | 22.0 | 16.9% | 144 | 141 | 2.5% |
| Giá vốn hàng bán | 17.8 | 15.0 | 18.4% | 112 | 105 | 6.6% |
| Lợi nhuận gộp | 7.97 | 6.97 | 14.3% | 31.9 | 35.3 | -9.6% |
| Doanh thu HĐTC | 6.79 | 9.64 | -29.6% | 74.9 | 66.6 | 12.4% |
| Chi phí TC | 0.00 | 0.00 | | -0.06 | -0.15 | 57.5% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 1.73 | 1.55 | 11.6% | 7.27 | 7.30 | -0.4% |
| Chi phí QLDN | 2.23 | 2.09 | 6.5% | 9.40 | 9.17 | 2.5% |
| LN thuần từ HĐKD | 10.8 | 13.0 | -16.9% | 90.2 | 85.6 | 5.4% |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0.00 | | 0.11 | 0.20 | -44.7% |
| LN trước thuế | 10.8 | 13.0 | -16.9% | 90.3 | 85.8 | 5.3% |
| Lợi nhuận sau thuế | 8.75 | 10.8 | -19.0% | 81.7 | 75.4 | 8.3% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 8.75 | 10.8 | -19.0% | 81.7 | 75.4 | 8.3% |

(Nguồn: fireant.vn)

